



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.19 - Lớp 1 (DGT1191)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119150001	Diệp Khánh	An	20/11/2001	87	Tốt
2	3119150004	Bùi Lan	Anh	14/09/2001	85	Tốt
3	3119150008	Nguyễn Đỗ Mai	Anh	15/11/2001	64	Trung bình
4	3119150012	Vũ Ngọc Quỳnh	Anh	20/09/2001	56	Trung bình
5	3119150015	Nguyễn Thị Thanh	Bình	20/12/2001	66	Khá
6	3119150018	Trương Phụng	Chi	20/04/2001	81	Tốt
7	3119150022	Nguyễn Huỳnh Phương	Dung	15/11/2001	70	Khá
8	3119150025	Phan Ngọc	Dương	04/07/2001	76	Khá
9	3119150028	Lê Nguyễn Ngọc	Điền	13/03/2001	70	Khá
10	3119150031	Nguyễn Hương	Giang	01/09/2001	80	Tốt
11	3119150038	Đặng Thị Thúy	Hằng	13/03/2001	70	Khá
12	3119150041	Đinh Thị Ngọc	Hiếu	02/04/2001	75	Khá
13	3119150046	Trương Ngọc Mai	Khanh	03/10/2001	87	Tốt
14	3119150049	Phạm Hồng Phi	Lam	21/12/2001	75	Khá
15	3119150056	Mai Ngọc Thúy	Linh	19/11/2001	70	Khá
16	3118150053	Nguyễn Thị	Linh	22/10/2000	64	Trung bình
17	3118150056	Trần Huệ	Linh	08/02/2000	63	Trung bình
18	3119150062	Đỗ Thị Tuyết	Mai	18/09/2001	68	Khá
19	3119150069	Tất Tuyết	My	28/09/2001	71	Khá
20	3118150061	Đào Thúy	Nga	16/05/2000	61	Trung bình
21	3119150072	Hoàng Trần Thanh	Ngân	14/12/2001	69	Khá
22	3119150075	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	02/03/2001	82	Tốt
23	3119150078	Phan Thu	Ngân	23/12/2001	62	Trung bình
24	3119150081	Võ Kim	Ngân	10/07/2001	80	Tốt
25	3119150085	Lưu Thị	Ngọc	19/10/2001	76	Khá
26	3119150089	Đoàn Thị Kim	Ngung	26/03/2001	75	Khá
27	3119150094	Nguyễn Tiên Thảo	Nhi	01/03/2001	80	Tốt
28	3119150097	Phan Thị Lan	Nhi	13/08/2001	75	Khá
29	3119150100	Phạm Hồng	Nhiên	23/09/2001	47	Yếu



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.19 - Lớp 1 (DGT1191)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119150103	Nguyễn Tuyết	Nhung	16/03/2001	82	Tốt
31	3119150106	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	12/03/2000	60	Trung bình
32	3119150110	Nguyễn Hoàng Kim	Oanh	08/12/2001	68	Khá
33	3119150113	Tô Hạnh Vi	Phước	05/02/2001	62	Trung bình
34	3119150116	Trần Long	Quang	14/12/2001	77	Khá
35	3119150119	Ngô Ngọc Mỹ	Quỳnh	05/01/2001	80	Tốt
36	3119150122	Phạm Thúy	Quỳnh	30/04/2001	68	Khá
37	3119150125	Nguyễn Tấn	Tài	26/09/2001	71	Khá
38	3119150128	Lê Nguyễn Diễm	Thanh	04/12/2000	63	Trung bình
39	3119150131	Đoàn Thanh	Thảo	19/01/2001	65	Khá
40	3119150134	Lê Bình Phương	Thảo	27/08/2001	69	Khá
41	3119150137	Trần Thị Phương	Thảo	22/04/2001	90	Xuất sắc
42	3119150140	Trần Nguyễn Minh	Thị	02/12/2001	61	Trung bình
43	3119150143	Nguyễn Ngọc	Thùy	20/03/2001	66	Khá
44	3119150147	Cao Thị Thúy	Thúy	01/08/2000	80	Tốt
45	3119150152	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	23/04/2001	80	Tốt
46	3119150155	Trần Lâm Nhật	Thư	06/07/2001	77	Khá
47	3119150158	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	21/06/2001	69	Khá
48	3119150161	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23/08/2001	71	Khá
49	3119150165	Huỳnh Ngọc Bích	Trâm	09/06/2001	94	Xuất sắc
50	3119150168	Võ Thị Ngọc	Trâm	07/10/2001	73	Khá
51	3119150171	Nguyễn Trúc Bảo	Trân	14/12/2001	67	Khá
52	3119150174	Nguyễn Cửu Thu	Trình	23/01/2001	68	Khá
53	3119150178	Phạm Thành	Trung	05/08/2001	80	Tốt
54	3119150181	Võ Thanh	Tuyền	14/04/2001	71	Khá
55	3119150184	Lê Ngọc Phương	Uyên	04/11/2001	67	Khá
56	3119150187	Trần Lê Phương	Uyên	25/11/2001	61	Trung bình
57	3119150190	Trần Thanh	Vi	27/08/2001	62	Trung bình
58	3119150193	Phạm Thị Tường	Vy	27/03/2001	69	Khá
59	3119150196	Nguyễn Thị Như	Ý	01/01/2001	67	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.19 - Lớp 1 (DGT1191)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 59 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	3,4
Tốt	13	22,0
Khá	31	52,5
TB	12	20,3
Yếu	1	1,7
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.19 - Lớp 2 (DGT1192)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119150002	Nguyễn Thị Thủy	An	27/03/2001	71	Khá
2	3119150006	Lê Diệu	Anh	30/08/2001	0	Kém
3	3119150010	Nguyễn Thùy Quỳnh	Anh	20/09/2001	72	Khá
4	3119150013	Lâm Thị Ngọc	Ánh	02/12/1987	70	Khá
5	3119150016	Giản Linh	Chi	22/11/2001	61	Trung bình
6	3119150019	Châu Thị Kiều	Diễm	22/08/2001	92	Xuất sắc
7	3119150026	Trần Thị Anh	Đào	04/08/2001	71	Khá
8	3119150029	Nguyễn Phương	Đĩnh	27/12/1997	76	Khá
9	3119150034	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	05/10/2001	78	Khá
10	3119150039	Tou Lệ	Hằng	27/10/2001	72	Khá
11	3119150042	Trần Thị Minh	Hiên	01/10/2001	62	Trung bình
12	3119150047	Trần Hữu Nhật	Khánh	18/07/2001	90	Xuất sắc
13	3119150050	Lê Thị Minh	Lan	19/10/2001	71	Khá
14	3119150054	Lã Thị Diệu	Linh	15/02/2001	75	Khá
15	3119150057	Phan Vũ Gia	Linh	24/06/2001	65	Khá
16	3119150060	Nguyễn Thị Phương	Lợi	26/12/2001	91	Xuất sắc
17	3119150063	Nguyễn Đoàn Trúc	Mai	25/09/2001	55	Trung bình
18	3119150067	Lâm Hải	My	27/09/2001	62	Trung bình
19	3119150070	Trần Thị Thùy	Nga	29/07/2001	87	Tốt
20	3119150073	Lê Phạm Kim	Ngân	12/06/2001	68	Khá
21	3119150076	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	20/07/2001	67	Khá
22	3119150079	Trần Đăng Bảo	Ngân	26/10/2000	63	Trung bình
23	3119150082	Phạm Hoàng	Nghi	22/05/2001	69	Khá
24	3119150086	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	15/09/2001	73	Khá
25	3119150090	Mai Thị Thanh	Nhàn	25/11/2001	70	Khá
26	3119150201	Đương Huệ	Nhi	03/04/2001	73	Khá
27	3119150095	Phạm Đình Khương	Nhi	10/09/2001	66	Khá
28	3119150098	Trần Xuân	Nhi	15/08/2001	72	Khá
29	3119150101	Nguyễn Thị Trang	Nhung	04/08/2001	69	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.19 - Lớp 2 (DGT1192)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119150104	Lê Vũ Thảo	Như	06/09/2001	62	Trung bình
31	3119150108	Tạ Thị Thanh	Như	10/10/2001	66	Khá
32	3119150111	Nguyễn Kiều	Oanh	06/01/2000	70	Khá
33	3119150114	Trần Ngọc Hiếu	Phương	21/12/2001	71	Khá
34	3119150117	Hỷ Trân	Quân	05/04/2001	72	Khá
35	3119150120	Lê Anh Trúc	Quỳnh	08/11/2001	68	Khá
36	3119150123	Đàm Tuệ	San	16/06/2001	70	Khá
37	3119150126	Huỳnh Ngọc Thanh	Tâm	24/08/2001	70	Khá
38	3119150129	Nguyễn Thị Thu	Thanh	30/01/2001	72	Khá
39	3119150132	Giáp Phương	Thảo	19/07/2001	80	Tốt
40	3119150135	Nguyễn Trần Nguyên	Thảo	25/06/2000	69	Khá
41	3119150138	Trương Lê Ngân	Thảo	13/07/2001	70	Khá
42	3119150141	A Hưng	Thiện	26/10/2001	66	Khá
43	3119150145	Nguyễn Vũ Minh	Thùy	10/09/2001	64	Trung bình
44	3119150148	Hoàng Ngọc Anh	Thư	29/12/2001	64	Trung bình
45	3119150153	Nguyễn Thị Anh	Thư	24/05/2001	66	Khá
46	3119150156	Trần Nguyễn Hoài	Thương	25/02/2001	91	Xuất sắc
47	3119150159	Trần Lam	Tiền	23/03/2001	79	Khá
48	3119150163	Phan Nữ Như	Trang	14/04/2001	76	Khá
49	3119150166	Tổng Ánh	Trâm	29/05/2001	73	Khá
50	3119150169	Lê Ngọc Mỹ	Trân	20/06/2001	80	Tốt
51	3119150172	Cao Nguyễn Nguyễn	Trình	03/01/2001	79	Khá
52	3119150175	Nguyễn Lý Mộng	Trình	11/06/2001	71	Khá
53	3119150179	Hồ Thanh	Tuyền	21/11/2001	68	Khá
54	3119150185	Nguyễn Đoàn Phương	Uyên	06/09/2001	66	Khá
55	3119150188	Võ Thị Phương	Uyên	15/09/2001	71	Khá
56	3119150191	Kiều Hạ	Vy	14/09/2001	69	Khá
57	3119150199	Lưu Yến	Yến	25/09/2000	71	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.19 - Lớp 2 (DGT1192)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 57 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	4	7,0
Tốt	3	5,3
Khá	41	71,9
TB	8	14,0
Yếu	0	0,0
Kém	1	1,8

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.19 - Lớp 3 (DGT1193)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119150003	Trần Thúy	An	12/12/1999	72	Khá
2	3119150011	Võ Thị Vân	Anh	06/12/2001	66	Khá
3	3119150014	Nguyễn Ngọc	Bích	10/05/2001	80	Tốt
4	3119150024	Đinh Thị Thùy	Dương	08/12/2001	61	Trung bình
5	3119150027	Hồ Thị Ngọc	Đẹp	30/11/2001	75	Khá
6	3119150036	Hoàng Thị Thanh	Hải	26/06/2001	70	Khá
7	3119150045	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	05/04/2001	58	Trung bình
8	3119150048	Đặng Ngọc Duy	Khôi	30/09/2001	85	Tốt
9	3119150052	Chung Thị Kha	Linh	05/01/2001	65	Khá
10	3119150055	Liên Vũ Thùy	Linh	14/03/2001	78	Khá
11	3119150061	Nguyễn Ngọc Cẩm	Ly	14/06/2001	61	Trung bình
12	3119150064	Viên Mẫn	Mẫn	08/02/2001	82	Tốt
13	3119150068	Lê Thị Diễm	My	19/01/2001	62	Trung bình
14	3119150071	Hà Thị Thanh	Ngân	03/01/2001	63	Trung bình
15	3119150074	Ngô Thị Thanh	Ngân	20/09/2001	74	Khá
16	3119150077	Nguyễn Thị Thu	Ngân	27/08/2001	70	Khá
17	3119150080	Trương Kim	Ngân	06/01/2001	73	Khá
18	3119150083	Hồ Phương Hồng	Ngọc	05/11/2001	58	Trung bình
19	3119150087	Phạm Hồng	Nguyên	05/05/2001	66	Khá
20	3119150092	Lê Hoàng Phương	Nhi	17/08/2001	68	Khá
21	3119150096	Phan Thanh	Nhi	03/12/2001	66	Khá
22	3119150099	Viên Uyên	Nhi	29/04/2001	71	Khá
23	3119150102	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	10/07/2001	91	Xuất sắc
24	3119150105	Lý Minh	Như	06/08/2001	68	Khá
25	3119150109	Lê Thị Kiều	Oanh	29/11/2001	65	Khá
26	3119150112	Hà Như	Phụng	23/07/2001	61	Trung bình
27	3119150115	Võ Thị Ngọc	Phương	14/12/2001	73	Khá
28	3119150118	Trịnh Minh	Quân	09/07/2001	68	Khá
29	3119150121	Nguyễn Hoàng Như	Quỳnh	23/04/2001	64	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.19 - Lớp 3 (DGT1193)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119150124	Trần Ngọc	Sang	22/12/2001	66	Khá
31	3119150127	Chung Quý	Thanh	18/09/2001	53	Trung bình
32	3119150133	Hoặc Bích	Thảo	03/12/2001	69	Khá
33	3119150136	Trần Thanh	Thảo	11/09/2001	77	Khá
34	3119150139	Trần Thị Hồng	Thắm	09/11/2001	95	Xuất sắc
35	3119150146	Trần Thị Thu	Thùy	30/08/2001	74	Khá
36	3119150151	Nguyễn Anh	Thư	21/05/2001	66	Khá
37	3119150154	Nguyễn Thị Minh	Thư	31/12/2001	63	Trung bình
38	3119150157	Huỳnh Thị Mai	Thy	04/03/2001	72	Khá
39	3119150160	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12/05/2001	77	Khá
40	3119150164	Trần Phạm Văn	Trang	24/05/2001	70	Khá
41	3119150167	Trần Thụy Ngọc	Trâm	15/08/2001	69	Khá
42	3119150170	Nguyễn Lê Hồng	Trân	02/06/2001	63	Trung bình
43	3119150173	Đỗ Phương	Trình	15/12/2001	64	Trung bình
44	3119150176	Trần Thị Tuyết	Trình	28/03/2001	65	Khá
45	3119150180	Lợi Thanh	Tuyền	08/10/2001	81	Tốt
46	3119150183	Huỳnh Nguyễn Phương	Uyên	01/03/2001	85	Tốt
47	3119150189	Võ Thụy Bảo	Uyên	01/10/2001	62	Trung bình
48	3119150192	Ngô Gia Thúy	Vy	02/03/2001	66	Khá
49	3119150195	Tôn Thanh	Vy	01/10/2001	70	Khá
50	3119150200	Trần Ngọc Hoàng	Yến	09/05/2001	69	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.19 - Lớp 3 (DGT1193)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 50 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	4,0
Tốt	5	10,0
Khá	30	60,0
TB	13	26,0
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.20 - Lớp 1 (DGT1201)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120150001	Dương Thị Thúy Anh	16/06/2002	75	Khá
2	3120150004	Lê Ngọc Vân Anh	11/11/2002	66	Khá
3	3120150007	Phan Nguyễn Quỳnh Anh	08/03/2002	64	Trung bình
4	3120150010	Trần Lê Ngọc Ánh	26/09/2002	62	Trung bình
5	3120150013	Nguyễn Thị Ngọc Bích	27/03/2002	68	Khá
6	3120150019	Nguyễn Thị Minh Dát	08/03/2001	85	Tốt
7	3120150022	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	15/12/2002	63	Trung bình
8	3120150025	Võ Thị Thùy Dung	15/11/2002	65	Khá
9	3120150028	Lai Thị Cẩm Duyên	04/05/2002	0	Kém
10	3120150031	Nguyễn Thị Thùy Dương	04/12/2002	66	Khá
11	3120150034	Nguyễn Thu Hà	10/12/2002	94	Xuất sắc
12	3120150037	Trần Thị Thu Hằng	30/10/2002	82	Tốt
13	3120150040	Lê Ngọc Hân	18/12/2002	77	Khá
14	3120150043	Trần Đỗ Ngọc Hân	13/03/2002	83	Tốt
15	3120150046	Hoàng Thị Ngọc Hoa	03/03/2002	55	Trung bình
16	3120150049	Lê Đoàn Gia Huy	08/01/2002	58	Trung bình
17	3120150053	Trần Tấn Hưng	19/12/2002	76	Khá
18	3120150056	Dương Tuấn Khanh	29/11/2002	66	Khá
19	3120150059	Đỗ Huỳnh Đăng Khoa	22/04/2002	63	Trung bình
20	3120150062	Ngô Hoàng Khả Kỳ	05/12/2002	64	Trung bình
21	3120150066	Võ Thị Hoa Liễu	18/10/2002	60	Trung bình
22	3120150069	Nguyễn Thùy Linh	20/12/2002	60	Trung bình
23	3120150072	Trần Thị Thùy Linh	19/02/2002	69	Khá
24	3120150075	Văn Vương Mỹ Linh	12/03/2002	67	Khá
25	3120150078	Dương Thị Thúy Loan	03/03/2002	71	Khá
26	3120150081	Nguyễn Đặng Trúc Ly	27/10/2002	76	Khá
27	3120150087	Giềng Bội Mẫn	03/11/2002	77	Khá
28	3120150090	Cổ Bội My	03/11/2002	63	Trung bình
29	3120150093	Hà Mỹ Ngân	08/10/2002	68	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.20 - Lớp 1 (DGT1201)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120150096	Ngô Thảo	Ngân	11/04/2002	89	Tốt
31	3120150100	Nguyễn Thị Kim	Ngân	05/07/2001	63	Trung bình
32	3120150104	Phan Yến	Nghi	29/11/2002	70	Khá
33	3120150107	Lương Thị Bích	Ngọc	25/09/2002	64	Trung bình
34	3120150110	Nguyễn Thị Oanh	Nguyệt	25/06/2002	73	Khá
35	3120150113	Hồ Thị Kiều	Nhi	30/08/2002	70	Khá
36	3120150116	Nguyễn Lê Hào	Nhi	27/07/2002	70	Khá
37	3120150119	Trần Linh	Nhi	13/05/2002	91	Xuất sắc
38	3120150122	Lê Xuân	Nhu	27/05/2002	55	Trung bình
39	3120150125	Dương Quỳnh	Như	07/10/2002	77	Khá
40	3120150128	Nguyễn Ngọc Hoài	Như	31/10/2002	78	Khá
41	3120150132	Nguyễn Lê Uyên	Phương	20/02/2002	72	Khá
42	3120150135	Lê Ngọc	Phượng	12/05/2002	70	Khá
43	3120150138	Đinh Kim	Quỳnh	27/08/2002	73	Khá
44	3120150141	Lâm Phát Từ	Sam	29/01/2001	78	Khá
45	3120150144	Nguyễn Ngọc Ngân	Tâm	03/09/2002	100	Xuất sắc
46	3120150148	Trần Ngọc Thiên	Thanh	06/07/2002	66	Khá
47	3120150151	Vũ Lê Thanh	Thảo	08/12/2002	86	Tốt
48	3120150154	Trần Chí	Thiện	19/06/2002	76	Khá
49	3120150157	Đỗ Thị Thu	Thủy	03/10/2002	65	Khá
50	3120150162	Lê Thị Anh	Thư	23/04/2002	77	Khá
51	3120150169	Nguyễn Trần Cẩm	Tiên	05/12/2002	79	Khá
52	3120150172	Nguyễn Dương Thùy	Trang	14/09/2002	75	Khá
53	3120150175	Trương Huỳnh Ngọc	Trâm	23/02/2002	88	Tốt
54	3120150178	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	17/04/2002	85	Tốt
55	3120150184	Phạm Nguyễn Thùy	Trình	09/12/2001	78	Khá
56	3120150187	Phạm Ngọc Thanh	Trúc	01/07/2002	82	Tốt
57	3120150193	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	23/03/2002	76	Khá
58	3120150196	Hoàng Hồng	Vân	07/07/2002	76	Khá
59	3120150199	Nguyễn Tường	Vy	11/10/2002	74	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.20 - Lớp 1 (DGT1201)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 59 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm Số SV Tỷ lệ %

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

X.sắc

3

5,1

Tốt

8

13,6

Khá

34

57,6

TB

13

22,0

Yếu

0

0,0

Kém

1

1,7

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.20 - Lớp 2 (DGT1202)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120150002	Đào Tú	Anh	04/09/2002	68	Khá
2	3120150005	Nguyễn Ngọc Tú	Anh	12/01/2002	72	Khá
3	3120150011	Nguyễn Hữu Thiên	Ân	09/04/2002	66	Khá
4	3120150014	Vũ Thị Hồng	Bích	24/01/2002	64	Trung bình
5	3120150017	Đinh Hoàng Linh	Chi	14/05/2002	76	Khá
6	3120150020	Tăng Su	Dấn	12/07/2002	71	Khá
7	3120150023	Ngô Hồng	Dìn	19/02/2001	63	Trung bình
8	3120150026	Võ Thùy	Dung	25/02/2002	76	Khá
9	3120150029	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	11/06/2002	65	Khá
10	3120150032	Nguyễn Xuân	Đào	25/11/2002	70	Khá
11	3120150035	Trần Khánh	Hà	08/03/2002	72	Khá
12	3120150038	Trịnh Thị Thu	Hằng	19/06/2002	85	Tốt
13	3120150041	Nguyễn Ngọc	Hân	17/10/2002	65	Khá
14	3120150047	Nguyễn Thị Dung	Hòa	01/08/2002	73	Khá
15	3120150050	Lê Thị Lệ	Huyền	04/09/2002	77	Khá
16	3120150054	Nguyễn Ngọc Thùy	Hương	10/07/2002	67	Khá
17	3120150057	Trần Kim	Khánh	28/02/2002	69	Khá
18	3120150063	Dương Cẩm	Lệ	22/09/1996	68	Khá
19	3120150067	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	09/09/2002	69	Khá
20	3120150070	Phạm Trần Ánh	Linh	09/07/2002	68	Khá
21	3120150073	Trần Thị Thùy	Linh	21/08/2002	73	Khá
22	3120150076	Võ Nguyễn Ánh	Linh	19/02/2002	67	Khá
23	3120150079	Đoàn Thị Hồng	Loan	14/08/2002	65	Khá
24	3120150082	Thông Trần Thảo	Ly	16/06/2002	76	Khá
25	3120150088	Lâm Thị Tuyết	Minh	11/09/2002	71	Khá
26	3120150091	Phạm Trà	My	20/03/2002	76	Khá
27	3120150094	Huỳnh Kim	Ngân	03/11/2002	69	Khá
28	3120150101	Nguyễn Thị Thu	Ngân	08/10/2000	70	Khá
29	3120150105	Cao Lâm Bích	Ngọc	25/01/2002	68	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.20 - Lớp 2 (DGT1202)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120150108	Võ Thị Mỹ	Ngọc	21/03/2002	73	Khá
31	3120150111	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	15/09/2002	75	Khá
32	3120150114	Lê Võ Yến	Nhi	21/09/2002	76	Khá
33	3120150117	Nguyễn Thị Long	Nhi	11/03/2002	70	Khá
34	3120150120	Trần Thị Tuyết	Nhi	16/12/2002	79	Khá
35	3120150123	Lê Ngọc Trang	Nhung	14/03/2002	76	Khá
36	3120150126	Huỳnh Ngọc Tâm	Như	09/11/2002	65	Khá
37	3120150133	Phạm Thị Lam	Phương	22/08/2002	81	Tốt
38	3120150136	Phạm Huỳnh	Quyên	12/12/2002	59	Trung bình
39	3120150139	Đỗ Thị Kim	Quỳnh	28/04/2002	77	Khá
40	3120150142	Hoàng Thanh	Tâm	20/01/2002	93	Xuất sắc
41	3120150145	Trần Đặng Mỹ	Tâm	02/09/2002	63	Trung bình
42	3120150152	Huỳnh Lê Thanh	Thi	02/07/2002	79	Khá
43	3120150155	Tôn Nữ Thy	Thơ	30/09/2002	62	Trung bình
44	3120150158	Nguyễn Ngọc Thanh	Thủy	23/02/2002	73	Khá
45	3120150163	Nguyễn Thị Anh	Thư	23/09/2002	73	Khá
46	3120150170	Lê Quỳnh	Trang	29/01/2002	71	Khá
47	3120150173	Vũ Nguyễn Quỳnh	Trang	22/05/2002	78	Khá
48	3120150176	Bùi Ngọc Bảo	Trân	15/01/2002	69	Khá
49	3120150179	Đỗ Thành	Trí	28/08/2002	81	Tốt
50	3120150182	Lê Phạm Mai	Trình	06/01/2002	71	Khá
51	3120150188	Lê Thị	Tuyên	18/02/2002	74	Khá
52	3120150191	Lê Trần Thảo	Uyên	23/08/2002	67	Khá
53	3120150194	Nguyễn Thị Tú	Uyên	17/06/2002	74	Khá
54	3120150197	Lê Tường	Vy	30/12/2002	75	Khá
55	3120150200	Phạm Tường	Vy	26/04/2002	70	Khá
56	3120150203	Ngô Hoàng Bảo	Yến	22/11/2002	73	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.20 - Lớp 2 (DGT1202)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 56 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm Số SV Tỷ lệ %

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

X.sắc 1 1,8

Tốt 3 5,4

Khá 47 83,9

TB 5 8,9

Yếu 0 0,0

Kém 0 0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.20 - Lớp 3 (DGT1203)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120150003	Lê Ngọc Trâm	Anh	27/08/2002	83	Tốt
2	3120150006	Phạm Thị Ngọc	Anh	12/12/2002	71	Khá
3	3120150009	Trần Thị Mai	Anh	27/12/2002	60	Trung bình
4	3120150012	Lý Thiên	Bảo	11/12/2002	81	Tốt
5	3120150015	Lâm Ngọc Bảo	Châu	16/11/2002	63	Trung bình
6	3120150018	Mã Thị Hồng	Công	04/02/2002	76	Khá
7	3120150021	Phạm Nhã	Diễm	31/01/2002	75	Khá
8	3120150024	Nguyễn Thị Phương	Dung	11/10/2001	58	Trung bình
9	3120150027	Hoàng Anh	Duy	06/07/2002	62	Trung bình
10	3120150030	Giáp Thùy	Dương	01/10/2002	69	Khá
11	3120150033	Hồ Thị Mỹ	Giang	26/08/2002	76	Khá
12	3120150036	Võ Thị Ngọc	Hà	27/12/2002	65	Khá
13	3120150039	Lâm Gia	Hân	07/07/2002	68	Khá
14	3120150042	Nguyễn Thùy Gia	Hân	05/04/2002	81	Tốt
15	3120150048	Phan Thị Thu	Hoài	16/05/2002	74	Khá
16	3120150052	Nguyễn Khánh	Huyền	18/09/1999	89	Tốt
17	3120150055	Trần Kỳ Nam	Hương	10/04/2002	68	Khá
18	3120150058	Đinh Thy	Khoa	05/05/2002	72	Khá
19	3120150061	Võ Hoàng	Kim	30/03/2002	82	Tốt
20	3120150068	Nguyễn Thị Thùy	Linh	24/04/2002	88	Tốt
21	3120150071	Trần Thị Huyền	Linh	20/05/2002	82	Tốt
22	3120150074	Trương Tuyết	Linh	03/07/2002	62	Trung bình
23	3120150077	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	04/11/2002	70	Khá
24	3120150080	Đỗ Ngọc Khánh	Ly	26/01/2002	59	Trung bình
25	3120150083	Đinh Thị Xuân	Mai	24/10/2002	74	Khá
26	3120150086	Trần Tạ Thảo	Mai	11/09/2001	73	Khá
27	3120150089	Phan Tuệ	Minh	12/10/2002	59	Trung bình
28	3120150092	Nguyễn Thị Thanh	Nga	03/08/2002	66	Khá
29	3120150095	Lê Dương Thu	Ngân	07/11/2002	70	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.20 - Lớp 3 (DGT1203)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120150099	Nguyễn Phú	Ngân	05/03/2000	75	Khá
31	3120150102	Phạm Bùi Thanh	Ngân	17/10/2002	82	Tốt
32	3120150106	Lê Bảo	Ngọc	21/09/2002	68	Khá
33	3120150109	Đỗ Thị Ánh	Nguyệt	07/05/2002	67	Khá
34	3120150112	Nguyễn Ngọc Trọng	Nhân	27/08/2002	80	Tốt
35	3120150115	Nguyễn Hà Thụy	Nhi	29/09/2002	72	Khá
36	3120150121	Xú Mẫn	Nhi	15/03/2002	74	Khá
37	3120150124	Châu Thị Quỳnh	Như	13/12/2000	70	Khá
38	3120150127	Huỳnh Phương	Như	02/01/2002	70	Khá
39	3120150131	Nguyễn Trần Tấn	Phát	17/12/2002	78	Khá
40	3120150204	Trần Huỳnh Hương	Phúc	22/09/2002	67	Khá
41	3120150134	Phan Bảo	Phương	18/08/2002	82	Tốt
42	3120150137	Phan Thị Thảo	Quyên	12/10/2002	89	Tốt
43	3120150143	Hồ Ngọc Mỹ	Tâm	13/12/2002	75	Khá
44	3120150146	Nguyễn Ngọc	Thanh	08/01/2002	76	Khá
45	3120150150	Nguyễn Thị Phương	Thảo	18/01/2002	61	Trung bình
46	3120150153	Lâm Thị Cẩm	Thiên	29/10/2002	69	Khá
47	3120150156	Lê Ngọc Phương	Thùy	16/12/2002	66	Khá
48	3120150161	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	03/11/2002	86	Tốt
49	3120150165	Nguyễn Trần Anh	Thư	28/05/2002	81	Tốt
50	3120150168	Võ Ngọc Uyên	Thy	15/04/2002	92	Xuất sắc
51	3120150174	Nguyễn Phước Hồng	Trâm	04/08/2002	63	Trung bình
52	3120150177	Đinh Lê Bích	Trân	21/02/2002	67	Khá
53	3120150180	Nguyễn Mẫn Thùy	Triều	01/04/2002	66	Khá
54	3120150183	Nguyễn Tú	Trình	18/11/2002	68	Khá
55	3120150186	Hoàng Thanh	Trúc	13/06/2002	72	Khá
56	3120150192	Mai Khánh	Uyên	07/12/2002	84	Tốt
57	3120150195	Phạm Nguyễn Phương	Uyên	06/11/2002	74	Khá
58	3120150198	Nguyễn Thị Yến	Vy	11/05/2002	82	Tốt
59	3120150201	Thân Nguyễn Thanh	Xuân	23/02/2002	68	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.20 - Lớp 3 (DGT1203)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 59 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	1,7
Tốt	15	25,4
Khá	34	57,6
TB	9	15,3
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.21 - Lớp 1 (DGT1211)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121150011	Đặng Thị Phương	Anh	08/01/2002	77	Khá
2	3121150015	Nguyễn Trần Lan	Anh	10/10/2003	71	Khá
3	3121150019	Tô Hoàng Phi	Anh	17/08/2003	65	Khá
4	3121150023	Trương Thị Lan	Anh	13/07/2003	69	Khá
5	3121150027	Nguyễn Minh	Ánh	27/12/2003	63	Trung bình
6	3121150031	Nguyễn Minh	Châu	22/09/2003	77	Khá
7	3121150035	Nguyễn Thị Thu	Dung	06/03/2003	58	Trung bình
8	3121150039	Nguyễn Phạm Mỹ	Duyên	10/01/2003	91	Xuất sắc
9	3121150043	Trương Trần Thùy	Dương	09/05/2003	83	Tốt
10	3121150047	Lương Ngân	Giang	11/08/2003	94	Xuất sắc
11	3121150055	Võ Thị Ngọc	Hân	26/12/2003	67	Khá
12	3121150059	Đỗ Trần Quỳnh	Hoa	27/08/2003	70	Khá
13	3121150063	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	10/01/2003	61	Trung bình
14	3121150067	Hồ Võ Như	Hương	27/03/2003	90	Xuất sắc
15	3121150071	Nguyễn Minh Thiên	Kim	30/09/2003	66	Khá
16	3121150075	Trần Thị Phương	Liên	28/11/2003	67	Khá
17	3121150079	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Linh	24/01/2003	63	Trung bình
18	3121150083	Phạm Thị Hoàng	Linh	07/10/2003	81	Tốt
19	3121150088	Phạm Huỳnh Thảo	Mai	18/10/2003	67	Khá
20	3121150093	Trương Hà	Miên	20/12/2003	65	Khá
21	3121150097	Bùi Ngọc Diễm	My	29/05/2003	62	Trung bình
22	3121150101	Đỗ Thanh	Ngân	11/12/2003	65	Khá
23	3121150105	Nguyễn Phan Kim	Ngân	04/08/2003	66	Khá
24	3121150109	Lâm Phương	Nghi	11/06/2003	69	Khá
25	3121150113	Lê Hồng	Ngọc	08/11/2002	68	Khá
26	3121150117	Phan Bích	Ngọc	19/02/2003	68	Khá
27	3121150121	Trương Thảo	Nguyên	27/07/2003	60	Trung bình
28	3121150125	Đặng Thị Linh	Nhi	12/08/2003	82	Tốt
29	3120150118	Phạm Yến	Nhi	24/06/2002	0	Kém



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.21 - Lớp 1 (DGT1211)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121150130	Trương Bích	Nhi	30/04/2002	84	Tốt
31	3121150134	Bùi Nguyễn Quỳnh	Như	15/04/2003	54	Trung bình
32	3120150130	Huỳnh Bích	Niên	01/11/2002	83	Tốt
33	3121150139	Lương Bội	Oanh	13/10/2003	60	Trung bình
34	3121150007	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phương	23/03/2003	77	Khá
35	3121150143	Trương Thị	Phương	31/01/2003	76	Khá
36	3121150147	Tô Nguyễn Thảo	Quyên	04/10/2003	86	Tốt
37	3121150151	Ngô Thị Xuân	Quỳnh	29/08/2003	82	Tốt
38	3121150155	Nguyễn Cẩm	Tâm	20/08/2002	84	Tốt
39	3121150160	Nguyễn Phương	Thảo	03/05/2002	58	Trung bình
40	3121150164	Thái Thị Thanh	Thảo	18/08/2003	73	Khá
41	3121150169	Phan Tuyền Thanh	Thủy	14/04/2003	76	Khá
42	3121150173	Đinh Hoàng Minh	Thư	04/04/2003	71	Khá
43	3121150179	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/10/2003	83	Tốt
44	3121150184	Huỳnh Ngọc	Trâm	13/12/2003	61	Trung bình
45	3121150188	Vũ Tuyết	Trân	06/08/2003	80	Tốt
46	3121150192	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	23/08/2002	68	Khá
47	3121150196	Hồ Linh	Trung	18/02/2003	93	Xuất sắc
48	3121150200	Nguyễn Huỳnh Minh	Tuyền	05/03/2003	65	Khá
49	3121150204	Nguyễn Diệp Thảo	Uyên	15/01/2003	65	Khá
50	3121150208	Trần Lê Ái	Vân	02/05/2003	64	Trung bình
51	3121150212	Lê Vũ Uyển	Vy	24/08/2003	58	Trung bình
52	3121150216	Nguyễn Tường	Vy	29/10/2003	80	Tốt
53	3121150220	Trần Thanh Trúc	Vy	20/10/2003	78	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.21 - Lớp 1 (DGT1211)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 53 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	4	7,5
Tốt	11	20,8
Khá	25	47,2
TB	12	22,6
Yếu	0	0,0
Kém	1	1,9

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.21 - Lớp 2 (DGT1212)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121150012	Lê Vũ Lan	Anh	20/12/2003	65	Khá
2	3121150016	Nông Tiến	Anh	28/05/2003	65	Khá
3	3121150020	Trần Ngọc Mai	Anh	08/06/2003	0	Kém
4	3121150024	Vũ Thị Vân	Anh	28/11/2003	74	Khá
5	3121150028	Tô Thị Ngọc	Ánh	14/03/2003	60	Trung bình
6	3121150032	Ngô Thị Ngọc	Diễm	26/01/2003	64	Trung bình
7	3121150036	Võ Hoàng	Duy	26/07/2003	94	Xuất sắc
8	3121150040	Phạm Kim	Duyên	22/04/2003	88	Tốt
9	3121150044	Nguyễn Văn	Đạt	09/09/2003	68	Khá
10	3121150048	Nguyễn Thùy	Giang	30/07/2003	70	Khá
11	3121150052	Tạ Thu	Hằng	14/03/2003	65	Khá
12	3121150056	Lê Thu	Hiền	10/09/2003	93	Xuất sắc
13	3121150064	Thái Thị Lệ	Huyền	13/03/2003	74	Khá
14	3121150068	Nguyễn Tuấn	Kiệt	03/09/2003	58	Trung bình
15	3121150072	Chu Thị Bảo	Lan	23/11/2003	79	Khá
16	3121150076	Đặng Mỹ	Linh	08/04/2003	67	Khá
17	3121150080	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	30/08/2003	67	Khá
18	3121150084	Trần Thị Mỹ	Linh	17/10/2002	73	Khá
19	3121150090	Thiều Ngọc	Mai	01/07/2003	66	Khá
20	3121150094	Điền Nguyễn Thiên	Minh	08/12/2003	59	Trung bình
21	3121150098	Huỳnh Thị Phương	My	12/11/2003	69	Khá
22	3121150102	Huỳnh Thị Kim	Ngân	22/11/2003	72	Khá
23	3121150106	Tạ Hạnh Kim	Ngân	13/10/2003	97	Xuất sắc
24	3121150110	Ngô Bảo	Nghi	28/04/2003	71	Khá
25	3121150114	Ngô Kim	Ngọc	09/12/2003	55	Trung bình
26	3121150118	Lê Lại Thảo	Nguyên	11/10/2003	58	Trung bình
27	3121150126	Huỳnh Thị Khánh	Nhi	04/09/2003	64	Trung bình
28	3121150131	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhung	19/03/2003	69	Khá
29	3121150136	Nguyễn Hà Tố	Như	25/02/2003	64	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.21 - Lớp 2 (DGT1212)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121150144	Đỗ Đông	Quân	16/02/2002	77	Khá
31	3121150148	Trần Thị Diễm	Quyên	31/01/2003	85	Tốt
32	3121150152	Đặng Thọ Sa	Ra	25/06/2003	68	Khá
33	3121150156	Nguyễn Phạm Ngọc	Tâm	28/12/2003	73	Khá
34	3121150161	Nguyễn Thanh	Thảo	02/08/2003	63	Trung bình
35	3121150165	Mai Anh	Thị	30/08/2001	64	Trung bình
36	3121150170	Nguyễn Ngọc Phương	Thúy	25/01/2003	82	Tốt
37	3121150175	Nguyễn Thị Anh	Thư	03/11/2003	66	Khá
38	3121150185	Huỳnh Mai Bảo	Trân	12/09/2003	79	Khá
39	3121150008	Huỳnh Ngọc	Trân	17/10/2003	78	Khá
40	3121150189	Bùi Thị Ngọc	Trình	02/11/2003	65	Khá
41	3121150193	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	18/04/2003	63	Trung bình
42	3121150197	Lý Minh	Trường	25/02/2003	62	Trung bình
43	3121150201	Hoàng Nguyên Tú	Uyên	28/08/2003	75	Khá
44	3121150205	Nguyễn Thị Kim	Uyên	07/05/2003	72	Khá
45	3121150209	Vũ Thị Thảo	Viên	03/02/2003	67	Khá
46	3121150213	Nguyễn Phụng	Vy	30/01/2001	71	Khá
47	3121150217	Phạm Nguyễn Thúy	Vy	29/09/2003	71	Khá
48	3121150221	Lê Ngọc Kim	Xuân	12/02/2002	84	Tốt
49	3121150224	Võ Thị Hoàng	Yến	30/09/2003	64	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 49 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	3	6,1
Tốt	4	8,2
Khá	28	57,1
TB	13	26,5
Yếu	0	0,0
Kém	1	2,0

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.21 - Lớp 3 (DGT1213)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121150009	Bùi Phương	Anh	20/01/2003	78	Khá
2	3121150013	Lương Ngọc	Anh	05/12/2003	69	Khá
3	3121150017	Phạm Ngọc Trâm	Anh	20/07/2003	65	Khá
4	3121150021	Trần Huy	Anh	21/09/2003	59	Trung bình
5	3121150025	Vương Ngọc Quỳnh	Anh	07/04/2003	79	Khá
6	3121150029	Phạm Hoàng	Ân	09/06/2003	53	Trung bình
7	3121150033	Đổng Danh	Doanh	08/02/2003	56	Trung bình
8	3121150037	Nguyễn Đỗ Huỳnh	Duyên	18/12/2003	62	Trung bình
9	3121150041	Nguyễn Thùy	Dương	25/04/2003	85	Tốt
10	3121150045	Lê Hoài Cẩm	Giang	21/10/2003	72	Khá
11	3121150049	Trương Ái	Hạnh	18/01/2001	69	Khá
12	3121150053	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	19/01/2003	82	Tốt
13	3121150057	Nguyễn Hồ Thanh	Hiền	30/03/2003	85	Tốt
14	3121150061	Phan Thị Kim	Huệ	16/05/2003	72	Khá
15	3121150065	Trần Thị Ngọc	Huyền	25/02/2003	53	Trung bình
16	3121150069	Nguyễn Thị Bích	Kiều	12/12/2003	64	Trung bình
17	3121150073	Nguyễn Thị Kim	Lan	09/10/2003	61	Trung bình
18	3121150077	Mai Nguyễn Thảo	Linh	23/10/2003	100	Xuất sắc
19	3121150081	Nguyễn Thị Thùy	Linh	14/06/2002	81	Tốt
20	3121150085	Trịnh Trần Phương	Linh	29/05/2003	67	Khá
21	3121150091	Hoàng Đỗ Diệp	Mẫn	10/03/2003	59	Trung bình
22	3121150095	Trần Thị Thu	Minh	01/08/2003	77	Khá
23	3121150004	Trần Bùi Thảo	My	07/02/2003	81	Tốt
24	3121150099	Trần Thị Ái	My	02/07/2003	78	Khá
25	3121150103	Lê Phạm Thanh	Ngân	01/02/2002	69	Khá
26	3121150107	Trần Lê Thiên	Ngân	07/11/2003	88	Tốt
27	3121150111	Ngô Thái Phương	Nghi	29/10/2003	63	Trung bình
28	3121150115	Nguyễn Bùi Bích	Ngọc	08/12/2003	81	Tốt
29	3121150119	Trần Nguyễn Thảo	Nguyên	22/02/2003	64	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.21 - Lớp 3 (DGT1213)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121150123	Bùi Ngọc Uyển	Nhi	16/03/2003	59	Trung bình
31	3121150127	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	19/12/2003	70	Khá
32	3121150132	Nguyễn Hồng	Nhung	28/10/2003	64	Trung bình
33	3121150137	Nguyễn Thanh Tâm	Như	06/03/2003	63	Trung bình
34	3121150141	Lâm Thục	Phương	01/09/2003	63	Trung bình
35	3121150149	Bùi Thị Như	Quỳnh	07/02/2003	59	Trung bình
36	3121150153	Nguyễn Thanh	Sinh	28/05/2003	69	Khá
37	3121150157	Phạm Hồng Trúc	Thanh	29/03/2003	50	Trung bình
38	3121150162	Nguyễn Thy Thiên	Thảo	01/03/2002	62	Trung bình
39	3121150167	Trần Hoài	Thu	16/08/2003	63	Trung bình
40	3121150171	Bùi Thị Thanh	Thư	12/12/2003	64	Trung bình
41	3121150176	Hoàng Vũ Minh	Thy	08/10/2003	60	Trung bình
42	3121150181	Trương Ngọc Bảo	Trang	25/09/2003	67	Khá
43	3121150186	Phạm Thị Thanh	Trân	13/02/2003	69	Khá
44	3121150190	Nguyễn Thị Mai	Trình	15/12/2003	68	Khá
45	3121150194	Nguyễn Xuân	Trúc	01/11/2003	65	Khá
46	3121150198	Hồ Thị Cẩm	Tú	23/12/2003	66	Khá
47	3121150202	Huỳnh Thị Mỹ	Uyên	24/01/2003	68	Khá
48	3121150206	Ngô Nguyễn Khánh	Vân	14/11/2003	79	Khá
49	3121150210	Huỳnh Yến	Vy	02/08/2003	73	Khá
50	3121150214	Nguyễn Thảo Phương	Vy	18/09/2003	66	Khá
51	3121150218	Thái Thị Thảo	Vy	20/11/2003	63	Trung bình
52	3121150222	Trần Thị Bảo	Yến	01/01/2003	76	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.21 - Lớp 3 (DGT1213)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 52 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	1,9
Tốt	7	13,5
Khá	23	44,2
TB	21	40,4
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.21 - Lớp 4 (DGT1214)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121150010	Bùi Thị Kim	Anh	13/05/2003	33	Kém
2	3121150014	Nguyễn Thị Minh	Anh	28/07/2003	87	Tốt
3	3121150018	Tạ Thị Vân	Anh	29/01/2003	86	Tốt
4	3121150022	Trần Mai Quỳnh	Anh	14/01/2003	90	Xuất sắc
5	3121150026	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	31/07/2003	78	Khá
6	3121150030	Phạm Nguyễn Hoàng	Ân	21/04/2003	68	Khá
7	3121150034	Nguyễn Thị Lê	Dung	21/07/2003	68	Khá
8	3121150038	Nguyễn Ngọc	Duyên	26/10/2003	81	Tốt
9	3121150046	Lê Ngọc Cẩm	Giang	14/03/2003	70	Khá
10	3121150050	Nguyễn Trần Như	Hào	18/05/2003	78	Khá
11	3121150054	Nguyễn Trần Gia	Hân	07/04/2003	72	Khá
12	3121150058	Nguyễn Thúy	Hiền	25/10/2003	76	Khá
13	3121150062	Thang Hiếu	Huy	17/11/2003	54	Trung bình
14	3121150066	Trương Võ Như	Huỳnh	16/12/2003	68	Khá
15	3121150070	Đặng Nguyệt Thiên	Kim	02/01/2003	76	Khá
16	3121150074	Vũ Thị Phương	Lan	08/11/2003	75	Khá
17	3121150078	Ngô Khánh	Linh	26/12/2003	76	Khá
18	3121150082	Nguyễn Trần Mộng	Linh	01/05/2003	73	Khá
19	3121150087	Nguyễn Huỳnh	Mai	28/01/2003	69	Khá
20	3121150092	Nhâm Ái	Mi	12/12/2003	62	Trung bình
21	3121150096	Nguyễn Quý	Mùi	02/02/2003	87	Tốt
22	3121150100	Nguyễn Thị	Nga	03/02/2002	63	Trung bình
23	3121150104	Nguyễn Khánh	Ngân	22/03/2002	71	Khá
24	3121150108	Đỗ Nguyễn Trúc	Nghi	07/04/2003	64	Trung bình
25	3121150112	Nguyễn Minh	Nghĩa	18/07/2003	62	Trung bình
26	3121150116	Phạm Thị Kim	Ngọc	13/08/2003	63	Trung bình
27	3121150120	Trần Thị Thảo	Nguyên	15/01/2003	58	Trung bình
28	3121150124	Cao Thị Xuân	Nhi	16/01/2003	58	Trung bình
29	3121150129	Quang Trần Đông	Nhi	07/06/2003	0	Kém



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.21 - Lớp 4 (DGT1214)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121150133	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	19/07/2003	69	Khá
31	3121150138	Phan Thị Trâm	Như	08/11/2003	68	Khá
32	3121150142	Tăng Khả	Phương	15/06/2003	74	Khá
33	3121150146	Phạm Mỹ	Quyên	08/08/2003	68	Khá
34	3121150150	Dương Ngọc Như	Quỳnh	23/02/2003	70	Khá
35	3121150154	Đặng Thái Sương	Sương	27/02/2003	66	Khá
36	3121150159	Lê Võ Phương	Thảo	09/04/2003	59	Trung bình
37	3121150163	Phan Phương	Thảo	12/12/2003	64	Trung bình
38	3121150168	Phạm Minh	Thuận	13/08/2003	68	Khá
39	3121150172	Đàm Nguyễn Anh	Thư	03/10/2003	76	Khá
40	3121150178	Nguyễn Kiều	Trang	17/11/2003	72	Khá
41	3121150187	Trần Thị Quế	Trân	15/05/2003	64	Trung bình
42	3121150191	Ngô Thanh	Trúc	24/01/2003	95	Xuất sắc
43	3121150195	Võ Thanh	Trúc	04/10/2002	66	Khá
44	3121150199	Lê Nguyễn Cẩm	Tú	17/05/2003	73	Khá
45	3121150203	Hứa Cao Phương	Uyên	02/05/2003	64	Trung bình
46	3121150207	Phan Ngọc Thảo	Vân	27/09/2003	68	Khá
47	3121150211	Kiều Yến	Vy	22/05/2003	65	Khá
48	3121150215	Nguyễn Thị Cẩm	Vy	16/10/2003	63	Trung bình
49	3121150219	Thiều Ngọc Hoàng	Vy	31/12/2003	95	Xuất sắc
50	3121150223	Trần Thị Hải	Yến	20/05/2003	93	Xuất sắc



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.21 - Lớp 4 (DGT1214)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 50 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	4	8,0
Tốt	4	8,0
Khá	27	54,0
TB	13	26,0
Yếu	0	0,0
Kém	2	4,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.22 - Lớp 1 (DGT1221)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122150001	Nguyễn Minh	An	31/05/2004	83	Tốt
2	3122150004	Nguyễn Lê Tổ	Anh	12/08/2004	70	Khá
3	3122150007	Phạm Kim	Anh	25/03/2004	66	Khá
4	3122150011	Phan Thị Hồng	Ánh	03/04/2004	84	Tốt
5	3122150014	Trần Kim	Chi	11/03/2004	63	Trung bình
6	3122150017	Nguyễn Thanh Thảo	Duyên	15/10/2004	61	Trung bình
7	3122150020	Huỳnh Duy Hường	Dương	08/06/2001	55	Trung bình
8	3122150023	Phan Thị	Gấm	25/09/2004	58	Trung bình
9	3122150026	Lê Đỗ Nguyệt	Hà	10/10/2004	61	Trung bình
10	3122150029	Hồ Chí	Hào	22/04/2004	76	Khá
11	3122150033	Vương Huỳnh Bảo	Hân	10/08/2004	68	Khá
12	3122150036	Phan Thị Thu	Hiền	01/01/2004	64	Trung bình
13	3122150039	Trần Thị Huỳnh	Hoa	29/10/2004	64	Trung bình
14	3122150042	Nguyễn Phan Thảo	Huyền	27/06/2004	67	Khá
15	3122150045	Trần Thị Thanh	Huyền	21/07/2004	67	Khá
16	3122150048	Lê Hồng	Khanh	11/07/2004	68	Khá
17	3122150051	Nguyễn Trúc	Lâm	20/06/2004	66	Khá
18	3122150054	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/01/2004	62	Trung bình
19	3122150057	Tô Ngọc Khánh	Linh	30/01/2004	66	Khá
20	3122150060	Võ Ngọc	Linh	04/09/2004	63	Trung bình
21	3122150063	Nguyễn Ngọc	Mai	25/09/2002	88	Tốt
22	3122150066	Ngô Phạm Khánh	Minh	25/03/2004	64	Trung bình
23	3122150070	Bùi Thanh	Ngân	17/07/2004	71	Khá
24	3122150073	Ngô Thụy Kim	Ngân	01/01/2004	69	Khá
25	3122150077	Hứa Gia	Nghi	16/10/2004	75	Khá
26	3122150080	Phan Thị Hồng	Ngọc	31/08/2004	63	Trung bình
27	3122150083	Lê Thị Yến	Nhi	13/12/2004	69	Khá
28	3122150086	Nguyễn Quý Phương	Nhi	18/08/2004	69	Khá
29	3122150089	Nguyễn Võ Uyên	Nhi	08/11/2004	48	Yếu



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.22 - Lớp 1 (DGT1221)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122150093	Nguyễn Kim	Nhung	26/03/2003	60	Trung bình
31	3122150097	Lê Ngọc Quỳnh	Như	13/08/2004	68	Khá
32	3122150100	Trần Ngọc Quỳnh	Như	18/01/2004	64	Trung bình
33	3122150103	Lư Nữ Mai	Oanh	26/10/2004	64	Trung bình
34	3122150109	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Phương	19/08/2003	75	Khá
35	3122150112	Lương Thị Kim	Quỳnh	01/07/2004	66	Khá
36	3122150115	Nguyễn Xuân	Quỳnh	01/01/2004	59	Trung bình
37	3122150118	Lý Minh	Tâm	22/12/2004	81	Tốt
38	3122150121	Trần Thị Thanh	Thanh	10/11/2004	83	Tốt
39	3122150124	Nguyễn Diệu	Thảo	20/08/2004	78	Khá
40	3122150127	Vũ Minh Kim	Thảo	25/11/2004	72	Khá
41	3122150130	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	19/09/2004	78	Khá
42	3122150133	Quách Thị Anh	Thư	16/09/2004	69	Khá
43	3122150136	Huỳnh Hồ Anh	Thy	17/11/2004	78	Khá
44	3122150139	Nguyễn Thanh Cẩm	Tiên	04/01/2004	71	Khá
45	3122150143	Nguyễn Trọng	Tín	02/12/2003	64	Trung bình
46	3122150146	Lê Nguyễn Đoan	Trang	20/04/2004	86	Tốt
47	3122150149	Nguyễn Ngọc Đoan	Trang	17/09/2004	81	Tốt
48	3122150152	Huỳnh Bích	Trâm	03/09/2004	60	Trung bình
49	3122150155	Nguyễn Thị Huyền	Trân	17/10/2003	67	Khá
50	3122150158	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	06/12/2003	64	Trung bình
51	3122150161	Nguyễn Ngọc Kim	Trúc	29/04/2003	72	Khá
52	3122150164	Nguyễn Tú Băng	Tuyền	06/07/2004	78	Khá
53	3122150168	Lê Thị Cẩm	Viên	26/02/2004	64	Trung bình
54	3122150171	Đặng Bảo	Vy	22/06/2004	67	Khá
55	3122150174	Nguyễn Lê Thúy	Vy	13/06/2004	60	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.22 - Lớp 1 (DGT1221)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 55 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm Số SV Tỷ lệ %

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

X.sắc

0

0,0

Tốt

7

12,7

Khá

27

49,1

TB

20

36,4

Yếu

1

1,8

Kém

0

0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.22 - Lớp 2 (DGT1222)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122150002	Phạm Thị Thuý	An	26/07/2004	69	Khá
2	3122150005	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	10/11/2004	74	Khá
3	3122150008	Phạm Ngọc Lan	Anh	17/10/2004	86	Tốt
4	3122150012	Trịnh Thị Thanh	Bình	29/07/2004	74	Khá
5	3122150015	Trần Nguyễn Kim	Chi	14/03/2004	61	Trung bình
6	3122150021	Lê Thùy	Dương	23/07/2004	70	Khá
7	3122150024	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	30/09/2004	70	Khá
8	3122150027	Nguyễn Ngọc	Hà	12/11/2004	55	Trung bình
9	3122150031	Phạm Trần Ngọc	Hân	27/01/2004	66	Khá
10	3122150034	Lương Hồ Thảo	Hiền	25/05/2004	69	Khá
11	3122150037	Trần Nhật	Hiệp	17/08/2003	82	Tốt
12	3122150040	Phạm Ngô Kim	Hồng	08/09/2002	62	Trung bình
13	3122150043	Châu Thanh	Huyền	11/10/2004	68	Khá
14	3122150046	Châu Song	Hy	21/03/2004	60	Trung bình
15	3122150049	Mai	Khanh	04/09/2004	58	Trung bình
16	3122150052	Trần Hoàng Khánh	Lâm	27/07/2004	61	Trung bình
17	3122150055	Nguyễn Thị Thùy	Linh	29/10/2004	76	Khá
18	3122150058	Tổng Mỹ	Linh	13/11/2004	55	Trung bình
19	3122150061	Lê Văn	Luận	27/11/2004	65	Khá
20	3122150064	Trương Thị Ngọc	Mai	25/05/2004	61	Trung bình
21	3122150067	Lâm Nguyễn Kiều	My	28/09/2004	69	Khá
22	3122150071	Dư Ngọc Kim	Ngân	02/03/2004	58	Trung bình
23	3122150074	Phạm Ngọc Kim	Ngân	14/10/2004	70	Khá
24	3122150078	Lê Thị Bích	Ngọc	17/01/2004	64	Trung bình
25	3122150084	Lư Ngọc	Nhi	26/12/2004	65	Khá
26	3122150087	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	01/06/2004	71	Khá
27	3122150091	Trần Thị Ngọc	Nhi	26/11/2004	63	Trung bình
28	3122150094	Lâm Đức	Như	07/09/2004	64	Trung bình
29	3122150098	Nguyễn Huỳnh	Như	03/08/2004	64	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.22 - Lớp 2 (DGT1222)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122150101	Trần Quỳnh	Như	26/09/2004	62	Trung bình
31	3122150104	Nguyễn Thị Khánh	Phuong	12/10/2004	86	Tốt
32	3122150107	Đinh Thị Lan	Phuong	10/02/2003	57	Trung bình
33	3122150110	Trương Nguyễn Mai	Phuong	09/03/2004	76	Khá
34	3122150113	Đoàn Thị Thanh	Quyên	14/09/2004	65	Khá
35	3122150116	Phan Thị Trúc	Quỳnh	25/01/2004	70	Khá
36	3122150119	Quách Thanh	Tân	17/04/2004	60	Trung bình
37	3122150122	Cao Ngọc Thanh	Thảo	17/03/2004	80	Tốt
38	3122150125	Trương Nguyễn Phương	Thảo	20/01/2004	71	Khá
39	3122150128	Bùi Nguyễn Phương	Thùy	19/06/2001	69	Khá
40	3122150131	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	26/05/2004	68	Khá
41	3122150134	Trần Cao Kim	Thư	11/10/2004	74	Khá
42	3122150137	Lương Thị Thủy	Tiên	30/10/2004	68	Khá
43	3122150141	Trần Thị Thủy	Tiên	26/10/1997	58	Trung bình
44	3122150144	Hà Thị Kim	Trang	11/10/2004	76	Khá
45	3122150147	Lê Thị Huyền	Trang	16/11/2004	79	Khá
46	3122150150	Phan Ngọc Thủy	Trang	08/05/2004	69	Khá
47	3122150153	Huỳnh Lê Bảo	Trâm	02/11/2004	71	Khá
48	3122150156	Nguyễn Đặng Nhã	Trình	22/06/2004	68	Khá
49	3122150159	Trần Thị Ngọc	Trình	25/02/2004	71	Khá
50	3122150162	Đinh Thị Cẩm	Tú	30/11/2004	84	Tốt
51	3122150165	Huỳnh Lộc	Uyên	25/04/2004	70	Khá
52	3122150169	Lê Quốc	Vinh	31/07/2004	84	Tốt
53	3122150172	Lương Ngọc Khánh	Vy	07/07/2004	75	Khá
54	3122150175	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	30/12/2004	0	Kém
55	3122150178	Hồ Ngọc Như	Ý	26/11/2004	75	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.22 - Lớp 2 (DGT1222)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 55 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
------	-------	---------

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

X.sắc	0	0,0
-------	---	-----

Tốt	6	10,9
-----	---	------

Khá	31	56,4
-----	----	------

TB	17	30,9
----	----	------

Yếu	0	0,0
-----	---	-----

Kém	1	1,8
-----	---	-----

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.22 - Lớp 3 (DGT1223)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122150003	Trà Huỳnh Thúy	An	06/01/2004	64	Trung bình
2	3122150006	Nguyễn Tú	Anh	02/10/2004	43	Yếu
3	3122150010	Trần Ngọc Minh	Anh	13/07/2004	69	Khá
4	3122150013	Nguyễn Thị Trân	Châu	24/10/2004	90	Xuất sắc
5	3122150016	Lâm Mỹ	Diên	04/04/2004	72	Khá
6	3122150019	Nguyễn Thùy	Duyên	02/01/2004	50	Trung bình
7	3122150022	Võ Ngọc Khánh	Đình	14/07/2004	64	Trung bình
8	3122150025	Trần Nguyễn Cẩm	Giàu	28/09/2004	81	Tốt
9	3122150028	Đinh Thị Kim	Hạnh	26/10/2004	63	Trung bình
10	3122150032	Trần Nguyễn Ngọc	Hân	19/06/2003	65	Khá
11	3122150035	Nguyễn Thu	Hiên	26/02/2004	59	Trung bình
12	3122150038	Nguyễn Ngọc	Hiệu	17/07/2004	61	Trung bình
13	3122150041	Phạm Thị Kim	Huế	07/11/2004	69	Khá
14	3122150044	Mai Thị Minh	Huyền	12/10/2004	75	Khá
15	3122150047	Phạm Thị Ngọc	Khá	09/11/2004	55	Trung bình
16	3122150050	Dương Thị Ngọc	Khánh	07/08/2004	59	Trung bình
17	3122150053	Nguyễn Thị Huyền	Linh	25/09/2004	57	Trung bình
18	3122150056	Phạm Khánh	Linh	17/08/2004	57	Trung bình
19	3122150059	Trương Khánh	Linh	16/08/2004	70	Khá
20	3122150062	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	08/03/2004	57	Trung bình
21	3122150065	Nguyễn Thị Huệ	Mẫn	18/05/2004	62	Trung bình
22	3122150069	Võ Thùy Thảo	My	25/02/2004	74	Khá
23	3122150072	Đỗ Trần Kim	Ngân	03/05/2004	79	Khá
24	3122150075	Trương Thị Kim	Ngân	12/06/2003	56	Trung bình
25	3122150079	Nguyễn Thị Thùy	Ngọc	10/07/2004	77	Khá
26	3122150082	Huỳnh Thị Tuyết	Nhi	31/05/2004	79	Khá
27	3122150085	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/06/2004	67	Khá
28	3122150088	Nguyễn Thị Uyển	Nhi	21/08/2004	65	Khá
29	3122150092	Trịnh Nguyễn Ngọc	Nhi	31/12/2004	67	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.22 - Lớp 3 (DGT1223)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122150096	Lâm Tâm	Như	24/07/2004	80	Tốt
31	3122150099	Nguyễn Phạm Ý	Như	27/03/2004	67	Khá
32	3122150102	Trương Thị	Như	22/04/2003	63	Trung bình
33	3122150105	Huỳnh Thị Hoài	Phúc	23/03/2004	62	Trung bình
34	3122150108	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Phương	26/08/2003	71	Khá
35	3122150111	Đoàn Trần Ngọc	Quyên	10/09/2004	98	Xuất sắc
36	3122150114	Bùi Nguyễn Song	Quỳnh	15/02/2004	63	Trung bình
37	3122150117	Phạm Thị Ngọc	Sương	09/09/2004	64	Trung bình
38	3122150120	Lê Thị Thanh	Thanh	05/03/2003	90	Xuất sắc
39	3122150123	Lê Thị Thanh	Thảo	20/11/2004	68	Khá
40	3122150126	Võ Nguyễn Hồng	Thảo	24/03/2004	70	Khá
41	3122150129	Lê Minh	Thư	20/04/2004	73	Khá
42	3122150132	Phạm Thị Anh	Thư	23/11/2004	64	Trung bình
43	3122150135	Đặng Anh	Thy	27/12/2004	83	Tốt
44	3122150138	Nguyễn Thái Nhật	Tiên	17/05/2004	61	Trung bình
45	3122150142	Võ Phan Xuân	Tiên	02/02/2004	0	Kém
46	3122150145	Huỳnh Lê Thu	Trang	23/08/2004	78	Khá
47	3122150148	Lý Hoàng	Trang	12/04/2004	93	Xuất sắc
48	3122150151	Đinh Lê Bích	Trâm	06/12/2004	67	Khá
49	3122150154	Đinh Ngọc	Trân	18/05/2004	71	Khá
50	3122150157	Nguyễn Ngọc Phương	Trình	19/08/2004	58	Trung bình
51	3122150160	Nguyễn Thị	Trình	26/06/2004	80	Tốt
52	3122150163	Lê Ngọc Khả	Tú	15/11/2004	66	Khá
53	3122150167	Thái Thanh	Vân	21/05/2004	77	Khá
54	3122150170	Cao Trần Thảo	Vy	19/01/2004	81	Tốt
55	3122150173	Nguyễn Lễ Tường	Vy	08/05/2004	63	Trung bình
56	3122150177	Phạm Nguyễn Thảo	Vy	13/07/2004	64	Trung bình
57	3122150179	Nguyễn Thị Hải	Yến	22/07/2004	73	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Giáo dục Tiểu học - K.22 - Lớp 3 (DGT1223)

Khoa: Giáo dục Tiểu học (GT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 57 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	4	7,0
Tốt	5	8,8
Khá	24	42,1
TB	22	38,6
Yếu	1	1,8
Kém	1	1,8

TS. Võ Văn Thật